

VÀI NÉT VỀ SỰ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở MỘT SỞ XÃ NÔNG THÔN MIỀN BẮC HIỆN NAY

PHẠM VĂN PHÚ*

Chính sách kinh tế mới đi vào cuộc sống nông thôn miền Bắc đã đem lại một số hiệu quả kinh tế, nhưng đồng thời cũng phát sinh những vấn đề mới trong xã hội nông thôn. Một sự phân tầng xã hội đã diễn ra. Đó là một vấn đề đang được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, cần phải được nghiên cứu một cách toàn diện. Tuy nhiên, qua số liệu điều tra xã hội học ở một số địa phương, trong bài viết này chúng tôi mới chỉ nêu lên một vài khía cạnh của vấn đề, cố gắng chỉ ra phần nào thực trạng của sự phân tầng xã hội khi đưa nông thôn miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội bằng con đường phát triển kinh tế hàng hóa.

Từ sau năm 1980, với những chính sách kinh tế mới liên tục được thi hành, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, cùng với sự hình thành các loại doanh nghiệp cũng đã đồng thời kéo theo khuynh hướng tư hữu hóa một số công cụ sản xuất, tăng cường sản xuất kinh doanh, bước đầu lôi cuốn hàng chục vạn hộ nông dân vào quan hệ thị trường - tiền tệ.

Những cứ liệu điều tra xã hội học trong những năm gần đây xã Đông Dương, Nguyên Xá, (Thái Bình), Nam Giang và Hải Vân (Hà Nam Ninh) đều cho thấy, chỉ trong một thời gian rất ngắn (1983-1990), khuynh hướng tư hữu hóa một số công cụ sản xuất gia tăng một cách nhanh chóng. Nếu như trước năm 1983, tất cả các tư liệu sản xuất đều thuộc hợp tác xã quản lý, thì hiện nay, phần lớn các công cụ sản xuất cơ bản lại thuộc về các hộ nông dân. Cách thức sử dụng các loại công cụ sản xuất cũng đã có một sự chuyển biến mới trong quan hệ kinh tế - xã hội. Đó là hiện tượng thuê và cho thuê các loại công cụ sản xuất đang phát triển một cách rộng rãi trong tất cả các làng xã.

Việc phân chia trong chế độ sở hữu và sự thay đổi cách thức sử dụng các loại công cụ sản xuất là cần thiết để phát triển sức sản xuất của xã hội, tăng mức sống của giai cấp nông dân. Đồng thời những thay đổi đó cũng là một trong những nguyên nhân căn bản nhất của việc hình thành các tầng lớp xã hội khác nhau trong nông thôn miền Bắc.

Làm cơ sở cho nhịp độ tăng trưởng của khuynh hướng tư hữu hóa một số công cụ sản xuất là nguồn tiền vốn và năng lực kinh tế của các hộ nông dân. Sau khi Nghị quyết 10 được thực hiện, các hộ nông dân dần dần trở thành những đơn vị kinh tế tự chủ thì nguồn tiền vốn, năng lực sản xuất và kinh doanh của những người nông dân được phát huy. Tiền vốn, một mặt tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật và, mặt khác, đưa lại những nguồn lợi khác nhau do sự khác nhau về năng lực của các hộ gia đình. Các cứ liệu khảo sát cho thấy, hiện nay trong nông thôn miền Bắc, phần lớn các hộ nông dân chỉ có số vốn trên dưới 1 triệu đồng. Tuy nhiên cũng đã có nhiều hộ có số vốn trên vài ba triệu đồng và đặc biệt đã hình thành một nhóm hộ có số tiền vốn trên 10 triệu đồng (điều tra ở Tam Sơn, Đình Bảng, Hải Vân).

Sự khác nhau về tiền vốn tạo điều kiện cho các hộ nông dân mở ra những hướng phát triển kinh tế khác nhau. Những cứ liệu điều tra xã hội học năm 1989 ở xã Nam Giang, Đông Dương và Nguyên Xá cho thấy khá rõ về thực trạng này. Gần 60% các hộ nông dân có số vốn quá nhỏ, chỉ đủ tập trung cho sản xuất nông nghiệp, trong khi đó cũng đã hình thành những nhóm hộ có số vốn khá lớn, chuyển hướng chủ yếu vào việc phát triển các ngành nghề khác. Tính chung, mức thu nhập bình quân đầu người của các hộ nông dân ít vốn tập trung chủ yếu vào trồng trọt, thấp hơn 1,5 lần so với những hộ có đủ vốn chuyển hướng chính sang chăn nuôi, và kém gấp 3,0 lần những hộ có vốn lớn chuyển hướng chính sang phát triển các ngành nghề khác. Tuy nhiên, trong nông thôn miền Bắc hiện nay, ngoài 10% những hộ thiếu vốn, thiếu công cụ sản xuất, không biết làm ăn và trở thành một tầng lớp nông dân nghèo, vẫn còn 15% những hộ có đủ số vốn để đầu tư phát triển sản xuất, nhưng kém năng lực kinh doanh, cũng không thể trở thành những hộ giàu.

*. Cán bộ nghiên cứu, Viện Xã hội học.

Tình trạng chênh lệch về thu nhập giữa các hộ nông dân ở nông thôn miền Bắc hiện nay còn là do sự khác biệt về ruộng đất và lao động. Sự chênh lệch nhau về diện tích ruộng đất giữa các hộ nông dân ở nông thôn đã là một hiện tượng khá phổ biến. Đặc biệt là đất 5% và đất vườn, những phương tiện mang lại cho người nông dân nguồn lợi khá lớn. Những cứ liệu điều tra ở hai xã Đông Dương và Nguyên xá (1989) phản ánh thực trạng này. So với diện tích bình quân đất 5% và đất vườn của các hộ nghèo, diện tích bình quân của những hộ giàu nhiều hơn 1,4 lần. Nếu có trình độ thâm canh cao hơn, lao động tốt hơn, nhờ vào những mảnh đất này, những hộ giàu có thêm một nguồn thu nhập đáng kể.

Tuy nhiên, với diện tích ruộng đất được chia như hiện nay, gần 90% nông dân tại những điểm điều tra khẳng định rằng, nếu chỉ làm ruộng khoán không thể trở thành một hộ giàu. Bởi vậy đối với các hộ nông dân miền Bắc, số lượng lao động và chất lượng lao động đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao thu nhập. Những cứ liệu khảo sát năm 1990 ở ba xã Tam Sơn (Hà Bắc), Đình Bảng (Hà Bắc Hải Vân (Hà Nam Ninh) cho thấy, hiện nay ở đây có tới 7 nhóm hộ có số lượng lao động khác nhau, với tỷ lệ chênh lệch nhau từ 2 đến 6 lần (xem Bảng 1:

Bảng 1:

Xã	Không lao động	1 lao động	2 lao động	3 lao động	4 lao động	5 lao động	6 lao động
Tam sơn	2,0	11,0	50,3	23,4	6,2	6,2	
Hải vân		2,9	61,7	18,4	11,1	5,3	1,4
Đình Bảng		8,8	55,9	14,7	16,2	3,0	1,4

Những hộ thu nhập cao thường là những hộ có lượng lao động nhiều hơn. Tuy nhiên, xem xét tương quan thu nhập thuần túy với số lượng và ruộng đất giữa hai nhóm hộ giàu và nghèo, chỉ số thu nhập bình quân của những hộ giàu cao gấp 3 lần chỉ số thu nhập bình quân của các hộ nghèo. Trong khi chỉ số ruộng đất và lao động giữa hai nhóm hộ này chỉ chênh nhau 1,5 lần. Do đó sự khác biệt thu nhập và mức sống chủ yếu vẫn là do vốn, công cụ sản xuất, hướng phát triển kinh tế, chất lượng lao động quy định.

Sự khác biệt về nghề nghiệp và chất lượng lao động là một trong những nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phân tầng xã hội ở nông thôn. Hiện nay, trong nông thôn miền Bắc đã hình thành nhiều nhóm lao động - nghề nghiệp khác nhau với những chất lượng lao động khác nhau. Chiếm số đông trong nông thôn vẫn là nhóm nông dân lao động theo tập quán và kinh nghiệm. Biểu hiện rõ nét nhất của thực trạng này là trong việc thâm canh lúa (xem Bảng 2).

Bảng 2 (Khảo sát 1990):

Xã	Tam Sơn	Hải vân	Đình bảng
Các nhóm nông dân			
1 Nhóm lao động phát huy cao độ việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất	11 1	27,8	23,5
2. Nhóm lao động sản xuất theo tập quán, kinh nghiệm	76,1	63,9	64,7
3. Nhóm lao động sản xuất thiếu kinh nghiệm và không quan tâm dân tiến bộ khoa học kỹ thuật	12,8	8,2	11,8

Phần lớn những hộ giàu là những hộ chuyên, lao động của họ tiếp thu nhanh chóng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất, đem lại năng suất cao. Đương nhiên hiện nay ở các địa phương trên, sự khác nhau về chất lượng lao động lại gắn liền với sự đa dạng về nghề nghiệp tạo thành những nhân tố mới, đẩy nhanh

quá trình phân tầng xã hội trên một bình diện mới.

Do tác động của chủ trương phát triển kinh tế gia đình theo hướng "ai giỏi nghề gì làm nghề ấy" bước đầu trong nông thôn miền Bắc đã diễn ra những chuyển biến mới của quá trình phân công lao động - xã hội theo từng làng và trong từng hộ nông dân. Mặc dù sự phân công lao động ấy mới chỉ diễn ra một cách yếu ớt trong lòng xã hội đã từ lâu rất ngưng trệ, nhưng trong nội bộ giai cấp nông dân đã bắt đầu hình thành những nhóm lao động - nghề nghiệp và hộ - nghề nghiệp phức hợp với mức độ thu nhập rất khác biệt. Xét về khía cạnh hộ nghề nghiệp, dân cư ở đây chia thành hai nhóm lớn: 1) nhóm những hộ nông dân thuần nông nghiệp và 2) nhóm những hộ nông dân có làm thêm một vài nghề ngoài nông nghiệp. Tính chung trên các điểm khảo sát, hiện nay nhóm những hộ nông dân thuần nông nghiệp chiếm gần 1/2 trên tổng số hộ của dân cư, thu nhập bình quân thấp hơn mức thu nhập bình quân chung gần 1,6 lần. Tuy nhiên, trong nhóm những hộ thuần nông nghiệp vẫn có những hộ nhờ vào diện tích ruộng đất lớn hơn, lao động tốt hơn, đủ vốn và có các công cụ sản xuất, hệ số gieo trồng cao, họ dần dần vươn lên và trở thành những hộ khá giả. Hơn 1/2 số hộ trên các điểm khảo sát là những hộ nông dân có làm thêm một vài ngành nghề ngoài nông nghiệp. Đặc trưng của nhóm hộ này là sự phức hợp và tính linh động về nghề nghiệp và cơ cấu thu nhập. Nhưng nhìn chung, thu nhập của họ bao giờ cũng cao hơn thu nhập của nhóm hộ thuần nông nghiệp.

Các cứ liệu khảo sát năm 1990 ở ba xã Tam Sơn, Đình Bảng, Hải Vân cho thấy hiện nay trong nông thôn miền Bắc có tới 25 nhóm lao động - nghề nghiệp khác nhau. Dĩ nhiên, trong một năm, một lao động có thể làm từ một đến vài ba nghề và trong mỗi nghề mỗi lao động lại có những trình độ và vị trí khác nhau, chính điều này càng làm phức tạp thêm trong cơ cấu thu nhập. Nhìn chung, tầng lớp nông dân nghèo chiếm phần lớn trong nhóm do lao động thuần nông nghiệp và thiếu kỹ thuật, hộ khá giả hầu hết là những hộ có phần lớn lao động hoạt động trong nhiều lĩnh vực kinh tế với năng lực và trình độ kỹ thuật cao.

Cùng với những chuyển biến trong quá trình phân công lao động xã hội ở nông thôn miền Bắc hiện nay, đã hình thành một tầng lớp lao động làm thuê không chỉ trong nông nghiệp mà còn trong tất cả các ngành nghề khác. Đồng thời đứng đối diện với họ là một nhóm các hộ khá giả thuê nhân công, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh để tăng thu nhập (xem Bảng 3). Số tiền mà các chủ hộ thuê nhân công thu được thường lớn hơn từ 2 đến 3 lần so với số tiền mà những người làm thuê kiếm được. Đứng giữa hai tầng lớp nói trên, cũng đã hình thành một nhóm nông dân mua trâu bò, máy móc... Kết hợp giữa kinh doanh và làm thuê, thu nhập của họ gần bằng thu nhập của các chủ lò - xưởng.

Bảng 3 (Khảo sát 1990):

Xã	Hộ Có người làm	hộ có người đi làm thuê					
		Làm ruộng	Nề, mộc	Tiểu thủ công	Chế biến nông sản	Xay xát	Việc khác
Hải Vân	29,1	1 7 8,9	52,2		2,4		12,1
Tam Sơn	8,3	13,2	18,5	2,1		1,4	4,1
Đình Bảng	54,4		4,4	10,4	5,9		1,4

Nhìn chung, khi còn nằm trong chế độ bao cấp, phân phối theo chủ nghĩa bình quân, sự phân định giàu nghèo trong nông thôn miền Bắc chưa rõ nét. Nhưng kể từ khi thực hiện chính sách kinh tế mới, các thành phần kinh tế bắt đầu được hình thành thì sự phân cực giàu nghèo diễn ra rất nhanh. Tuy nhiên, theo chúng tôi, sự phân tầng xã hội trong nông thôn miền Bắc hiện nay chủ yếu vẫn gắn liền với các phương thức thu nhập của các nhóm hộ. Bởi vậy, tiêu chuẩn để phân định các tầng lớp nông dân ở đây vẫn là mức độ thu nhập của các hộ nông dân.

Số liệu điều tra ở Tam Sơn, Đình Bảng, Hải Vân cho thấy: nổi lên hàng đầu trên bình diện thu nhập là nhóm

những hộ nông dân bao mua, buôn bán lớn, chủ thầu, chủ trại, chủ xưởng và chủ cho vay lấy lãi. Họ là những hộ nông dân có vốn lớn, có năng lực sản xuất và kinh doanh, ít khi tham gia trực tiếp vào các công việc sản xuất, có một số hộ thuê nhân công thu nhập bình quân trên dưới 600.000 đ/người/năm. Xét về hình thức và tính chất kinh doanh, tầng lớp này chia thành hai nhóm:

- 1) Nhóm những hộ bao mua, buôn bán lớn và cho vay lấy lãi (0,6%);
- 2) Nhóm những chủ thầu khoán, chủ trại, chủ lò - xưởng (3,5%).

Trong khi nhóm những chủ hộ bao mua, buôn bán lớn và cho vay lấy lãi, với một số tiền vốn khá lớn, họ phát huy cao độ năng lực thị trường để kinh doanh kiếm lãi, thì nhóm những chủ thầu khoán, chủ trại, chủ lò - xưởng thuê lao động, mua máy móc tổ chức sản xuất kinh doanh. Trong những năm vừa qua, họ đã sản xuất được một khối lượng hàng hóa rất lớn.

Đứng thứ hai về mặt thu nhập là nhóm những hộ nông dân có một số tiền vốn mua sắm được một số công cụ sản xuất nhất định, nhiều lao động có kỹ thuật, biết cách làm ăn, kết hợp ới sản xuất nông nghiệp với một vài ngành nghề khác. Khác với tầng lớp tiểu chủ, họ vẫn là những người thường xuyên trực tiếp tham gia các công việc sản xuất, bình quân thu nhập từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/người/năm. Tính trên tất cả các điểm khảo sát, họ chiếm gần 18% dân cư nông thôn.

Chiếm số đông trong xã hội nông thôn (55%) hiện nay là nhóm những hộ nông dân đủ ăn. Họ là một tầng lớp nông dân có một số vốn liếng nhất định, Có kinh nghiệm Bản xuất, nhưng chưa phát huy được năng lực kinh doanh. Ngoài nông nghiệp, những hộ nông dân này có làm thêm một vài ngành nghề khác, nhưng nguồn thu nhập chính vẫn nhờ vào trồng trọt và chăn nuôi, bình quân thu nhập trên dưới 200.000 đồng/ người/ năm.

Gần 24% dân cư còn lại là những hộ nông dân thiếu ăn từ 1 đến 8 tháng. Họ là những nông dân thiếu vốn, thiếu công cụ sản xuất và thiếu kinh nghiệm sản xuất, kỹ thuật, không có năng lực sản xuất và kinh doanh. Phần lớn họ là những hộ nông dân thuần sản xuất nông nghiệp, nguồn thu nhập chủ yếu là nhờ vào việc trồng lúa trên ruộng khoán và làm thuê. Trong tầng lớp nông dân thiếu ăn này có hơn 8% là những hộ nông dân quá nghèo, bình quân thu nhập trên dưới 7.000 đồng/người/ tháng.

Đời sống của nhóm tiểu chủ và những hộ khá giả tương đối sung túc, họ không ngừng tích lũy vốn, đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh. Trong khi đó, những hộ thiếu ăn đời sống sa sút, họ phải đi vay với lãi suất cao từ 12% đến 20% tháng (ở Hải Vân). Toàn bộ những khoản thu nhập của họ chưa chi đủ cho việc tiêu dùng hàng ngày, vốn chi cho sản xuất rất thấp.

Quá trình phân tầng xã hội trong nông thôn miền Bắc sẽ còn lâu mới kết thúc và chịu ảnh hưởng cơ bản của những chính sách cải cách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Do hoàn cảnh kinh tế, xã hội ở nông thôn nước ta quy định, sự phân tầng xã hội đó không thể diễn ra một cách sâu sắc. Bởi lẽ, lực lượng sản xuất ở đây vẫn chưa phát triển, do đó, sự phân công lao động khó có thể diễn ra một cách mạnh mẽ, và mặt khác còn là do sự điều tiết thường xuyên của một đường lối nhất quán chống lại sự phát sinh của chủ nghĩa tư bản mà trước hết là bằng sự không thay đổi trong chế độ ruộng đất.

Hiệu quả lớn nhất của những chuyển biến kinh tế - xã hội trong những năm vừa qua là, với một khoảng thời gian rất ngắn, tỷ suất giá trị hàng hóa của nông thôn miền Bắc tăng lên một cách rõ rệt. Sản phẩm sản xuất ra của các hộ gia đình trước đây phần lớn dành cho tiêu dùng nay đã được đưa ra thị trường (xem Bảng 4).

Bảng 4: (%)

Mục đích sử dụng Các loại sản phẩm	Để ăn	Để ăn và bán	Để bán
1) Lúa gạo	76,8	23,2	
2) Rau, màu	26,3	44,6	29,1
3) Hoa quả, cây công nghiệp	13,5	44,7	40,8
4) Sản phẩm chăn nuôi	10	22,9	76,1
5) Sản phẩm tiêu thủ công nghiệp			100,0

(Số liệu khảo sát Tam Sơn, Hải Vân, Đình Bảng, 1990)

Đồng thời, dựa vào sản xuất, ở nông thôn đã hình thành rất nhiều cửa hàng chuyên doanh với các quy mô lớn, nhỏ khác nhau, góp phần quan trọng thúc đẩy các xưởng, trại phát triển sản xuất ở nhiều làng xã, có một bộ phận dân cư trở thành những người cung cấp nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, chuyển giao thông tin về sản xuất hàng hóa. Phù hợp với sự phát triển nói trên, hoạt động tín dụng ở trong nông thôn cũng tương đối sôi nổi, góp phần thúc đẩy sự lưu thông tiền tệ.

Chính sự hình thành các loại doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khác nhau đã tạo ra cơ hội phát triển lực lượng sản xuất và giải quyết việc làm với một số lượng lớn, đẩy mạnh quá trình điều chuyển lao động dư thừa trong nông nghiệp sang các ngành kinh tế khác, tiến hành hợp lý phương thức tập trung lao động. Sự di chuyển lao động từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp đã chứng tỏ rằng, trong nền kinh tế nông nghiệp miền Bắc đã có sự phát triển theo chiều hướng hàng hóa hóa.

Sự biến đổi trong cơ cấu giai cấp ở nông thôn miền Bắc vừa đem lại những hiệu quả kinh tế nhất định, đồng thời nó cũng tạo ra những hậu quả xã hội không ít. Trước hết và quan trọng nhất là tình trạng bóc lột trong nông thôn. Với mục đích phát triển, chúng tôi cho rằng việc chấp nhận sự nghèo hiện nay là cần thiết, song cần phải hạn chế sự bóc lột trong nội bộ giai cấp nông dân. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước.

Trước hết, chính sách xã hội cần hướng vào việc *khắc phục tình trạng cho vay nặng lãi* trong nông thôn miền Bắc hiện nay bằng việc thực hiện chính sách tín dụng theo hai hệ thống. Một mặt, Nhà nước nhanh chóng thành lập quỹ tín dụng để phát triển nông thôn, cho nông dân vay để phát triển sản xuất với lãi suất thấp và, mặt khác, cần khuyến khích phát triển hệ thống tín dụng tự do bằng cách hợp pháp hóa hệ thống đó theo luật định.

Khắc phục tình trạng cho vay nặng lãi cần gắn liền với việc *tích cực giải quyết việc làm* cho những người lao động nông thôn bằng cách đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, mở mang ngành nghề, xây dựng những cụm công nghiệp ở trong nông thôn. Bởi vậy, không chỉ thực hiện luật lao động, mà cần phải có những biện pháp cụ thể để thể chế hóa chế độ thuê lao động ở nông thôn, ngăn ngừa những biện pháp tự phát cực đoan của các cơ quan địa phương về chế độ trả tiền công lao động của các chủ trại, chủ làm xưởng... nhằm đẩy mạnh một bước quá trình phân công lao động xã hội, phát huy mọi năng lực của các tầng lớp nông dân.

Hạn chế sự bóc lột cần đi đôi với việc *chống chủ nghĩa bình quân trong nông thôn*. Do đó, các loại doanh nghiệp đều phải được luật pháp tôn trọng và bảo vệ, chống lại mọi hành vi tước đoạt bất chính và tư tưởng muốn cào bằng xã hội. Trong sự nghiệp phát triển kinh tế hàng hóa hiện nay, việc cho phép một số hộ nông dân đầu tiên giàu có lên để kéo theo toàn dân cùng giàu có là phương châm đúng đắn để chống lại chủ nghĩa bình quân nông dân. Tuy nhiên, cần phải tính đến việc khắc phục những hậu quả tiêu cực trong đời sống xã hội. Bởi vậy, để thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển một cách lành mạnh, Nhà nước có thể quản lý về thu nhập và phân phối bằng việc tăng cường điều tiết bằng chính sách thuế.

Đảng và Nhà nước cần có những biện pháp thích ứng để *nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật cho giai cấp*

nông dân nhằm đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tăng cường chất lượng lao động, tạo điều kiện cho các tầng lớp lao động nông thôn rất đông đảo trở thành một lực lượng lao động có năng lực và kỹ thuật lành nghề đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

Đối với *tầng lớp nông dân* nghèo, cần có một sự phân định theo nhóm rõ ràng để có những biện pháp thích hợp cho mỗi loại hộ. Với những gia đình thương binh liệt sĩ, có công với cách ung lâm vào tình trạng khó khăn, Nhà nước cần kết hợp việc thực hiện chế độ trợ cấp với việc Cấp vốn, công cụ sản xuất kinh doanh để họ nhanh chóng khắc phục những khổ khăn, trở thành những hộ nông dân đủ ăn hoặc khá giả.